BẢN ĐỒ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

XÃ CẨM LẠC - HUYỆN CẨM XUYÊN

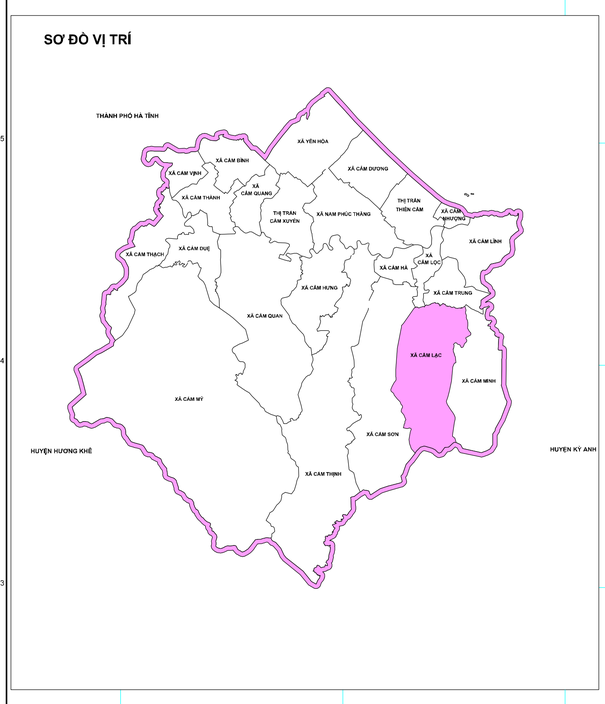

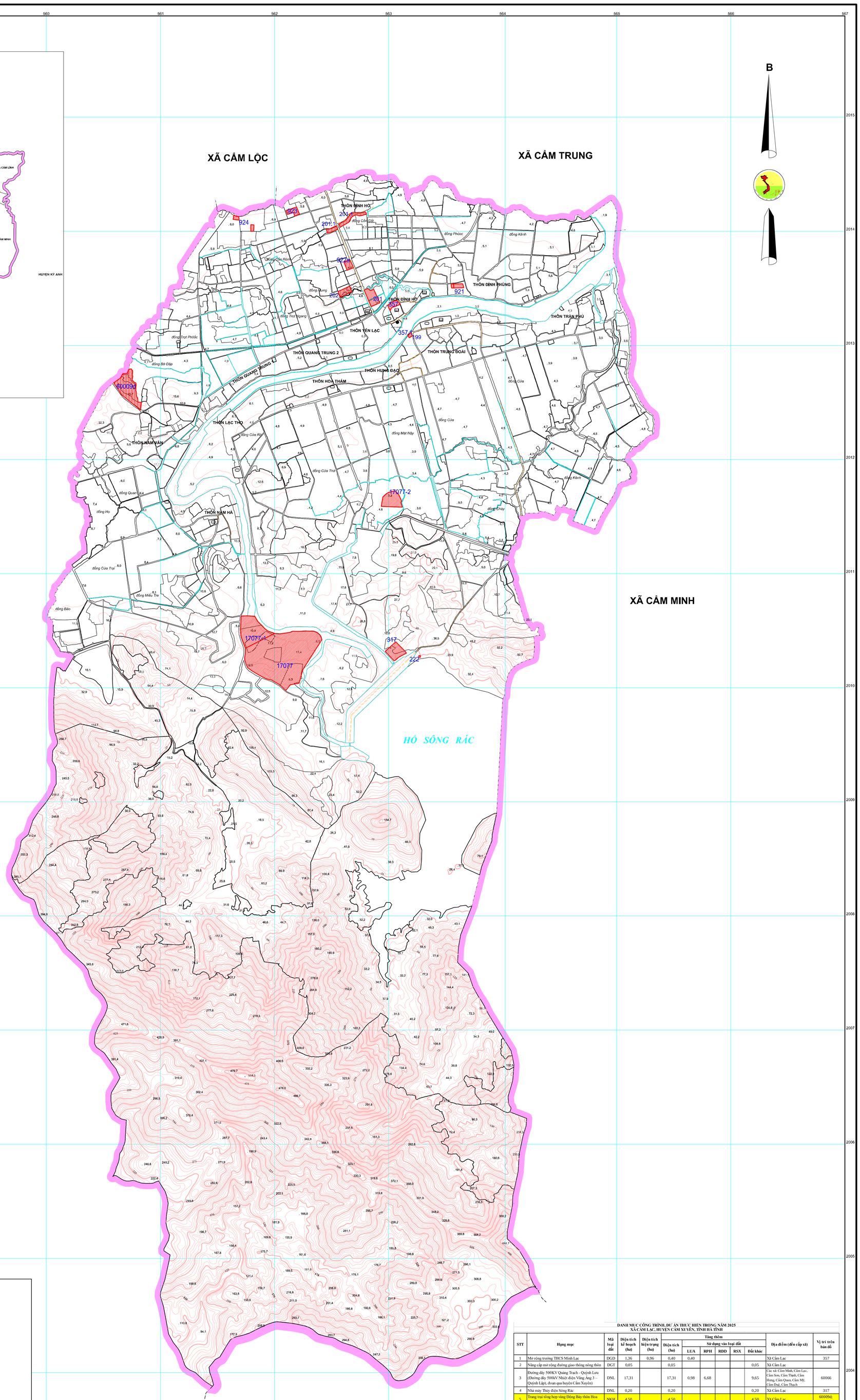

CHÚ DẪN

LUC	Đất chuyên trồng lúa nước
LUK	Đất trồng lúa nước còn lại
BHK	Đất bằng trồng cây hàng năm khác
CLN	Đất trồng cây lâu năm
RST	Đất có rừng sản xuất là rừng trồng
RSM	Đất đang sử dụng để phát triển rừng
RPN	Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên
NTS	Đất nuôi trồng thủy sản
NKH	Đất nông nghiệp khác
ONT	Đất ở tại nông thôn
TSC	Đất xây dựng trụ sở cơ quan
DVH	Đất xây dựng cơ sở văn hóa
DYT	Đất xây dựng cơ sở y tế
DGD	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo
DTT	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao
TMD	Đất thương mại, dịch vụ
SKC	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
DGT	Đất giao thông
DTL	Đất thủy lợi
DDT	Đất có di tích lịch sử-văn hóa
TQN	Đất cơ sở tôn giáo
TIN	Đất cơ sở tín ngưỡng
NTD	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng
MNC	Đất có mặt nước chuyên dùng

BCS	Đất bằng chưa sử dụng
DCS	Đất đồi núi chưa sử dụng
	Địa giới hành chính huyện
	Địa giới hành chính xã
a, b	Thuỷ hệ a. Đường bờ nước b. Hướng dòng chảy
	Đê
QUỐC LỘ	Đường quốc lộ
ĐƯỜNG TỈNH LỘ	Đường tỉnh lộ
	Cống
	Cầu bê tông
	Ranh giới loại đất
100	Binh độ cái và ghi chú độ cao
	Binh độ cơ bản
0,5	Điểm độ cao
	Trụ sở UBND cấp huyện
	Trụ sở UBND cấp xã
	Khu đất đưa vào kế hoạch năm 2025
317	Vị trí, thứ tự Danh mục công trình dự án

CÔNG CHỨC ĐỊA CHÍNH XÃ CẨM LẠC	UBND XÃ CẨM LẠC
Ngày ... tháng ... năm 2024	*Ngày ... tháng ... năm 2024* CHỦ TỊCH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025
XÃ CẨM LẠC, HUYỆN CẨM XUYÊN, TỈNH HÀ TĨNH

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm						Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất						
						LUA	RPH	RDD	RSX	Đất khác		
1	Mở rộng trường THCS Minh Lạc	DGD	1,36	0,96	0,40	0,40					Xã Cẩm Lạc	357
2	Nâng cấp mở rộng đường giao thông nông thôn	DGT	0,05		0,05					0,05	Xã Cẩm Lạc	
3	Đường dây 500KV Quảng Trạch – Quỳnh Lưu (Đường dây 500kV Nhiệt điện Vũng Áng 3 – Quỳnh Lập), đoạn qua huyện Cẩm Xuyên)	DNL	17,31		17,31	0,98	6,68			9,65	Các xã: Cẩm Minh, Cẩm Lạc, Cẩm Sơn, Cẩm Thịnh, Cẩm Hưng, Cẩm Quan, Cẩm Mỹ, Cẩm Duệ, Cẩm Thạch	60066
4	Nhà máy Thủy điện Sông Rác	DNL	0,20		0,20					0,20	Xã Cẩm Lạc	317
5	Trang trại tổng hợp vùng Đồng Bây thôn Hoa Thám; vùng Động Bảo thôn Hà Văn	NKH	4,50		4,50					4,50	Xã Cẩm Lạc	60009d; 17077-2
6	Chăn nuôi tập trung, trang trại chăn nuôi tổng hợp tại Hoàng Lê - thôn Lạc Thọ	NKH	5,37		5,37					5,37	Xã Cẩm Lạc	17077
7	Đất ở vùng xóm Trại thôn Quang Trung 2	ONT	0,15		0,15					0,15	Xã Cẩm Lạc	924
8	Đất ở vùng dọc đường trục chính, vùng Cồn Rẩn, thôn Yên Lạc	ONT	0,70		0,70	0,70					Xã Cẩm Lạc	923; 922a
9	Đất ở vùng đồng Gát thôn Hưng Đạo	ONT	0,12		0,12					0,12	Xã Cẩm Lạc	310a
10	Đất ở vùng Bồng Hoa thôn Lạc Thọ	ONT	0,10		0,10	0,10					Xã Cẩm Lạc	930; 930a
11	Đất ở vùng sần bóng cũ Đình Hồ	ONT	0,15		0,15					0,15	Xã Cẩm Lạc	921
12	Công trình thu trạm bơm cấp I của Nhà máy nước máy Nam Cẩm Xuyên (tại vùng sông Rác, thôn Hoa Thám, xã Cẩm Lạc)	SKC	0,02		0,02					0,02	Xã Cẩm Lạc	20020
13	Nhà máy nước và hệ thống đường ống Nam Cẩm Xuyên (Khu vực nhà máy-tại vùng Núi Tròn, thôn Hoa Thám, xã Cẩm Lạc)	SKC	3,50		3,50					3,50	Xã Cẩm Minh, Cẩm Lạc, Cẩm Sơn, Cẩm Thịnh, Cẩm Trung, Cẩm Lộc, Cẩm Hà, Cẩm Lĩnh, Cẩm Hưng, Cẩm Nhượng, Nam Phúc Thăng, và thị trấn Thiên Cầm.	222
14	Đất thương mại, dịch vụ cầu Chợ Biển	TMD	0,10		0,10					0,10	Xã Cẩm Lạc	357.1
15	Đất thương mại dịch vụ Nam cho Biển, vùng lò gạch cũ; vùng Bàu Sen, thôn Yên Lạc	TMD	2,00		2,00	1,39				0,61	Xã Cẩm Lạc	201; 199; 202; 201.1;
	TỔNG 15 CT,DA		**35,63**	**0,96**	**34,67**	**3,57**	**6,68**			**24,42**		